

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2019

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

(Kèm theo Công văn số 1028/TCKH ngày 12/12/2018 của Phòng Tài chính - Kế hoạch)

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2019						
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Dự phòng	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi bổ sung NS xã	Chi chuyển nguồn sang năm sau
A	B	1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG SỐ	543,378	67,341	326,406	11,367	63,083	75,181	-
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	393,747	67,341	326,406	-	-	-	-
1	Văn phòng HĐND&UBND	4,783		4,783				
2	Phòng Nông nghiệp và PTNT	930		930				
3	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	12,774		12,774				
4	Phòng Tư pháp	486		486				
5	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1,328		1,328				
6	Phòng Giáo dục và Đào tạo (bao gồm SNGD)	202,475		202,475				
7	Phòng Y tế	624		624				
8	Phòng Lao động - TB&XH	32,867		32,867				
9	Phòng Văn hóa và Thông tin	617		617				
10	Phòng Tài nguyên và Môi trường	1,822		1,822				
11	Phòng Dân tộc	549		549				
12	Phòng Nội vụ	1,455		1,455				
13	Thanh tra huyện	860		860				
14	Huyện ủy Cam Lâm	7,167		7,167				
15	Ủy ban Mặt trận TQVN	1,455		1,455				
16	Hội Cựu chiến binh	448		448				
17	Hội Nông dân (gồm có chi hỗ trợ Quỹ hỗ trợ nông dân)	1,200		1,200				
18	Hội Liên hiệp Phụ nữ	885		885				
19	Huyện đoàn	938		938				
20	Hội Đông y	106		106				
21	Hội Chữ thập đỏ	277		277				
22	Hội Người mù	182		182				

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2019						
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Dự phòng	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi bổ sung NS xã	Chi chuyển nguồn sang năm sau
A	B	1	2	3	4	5	6	7
23	Hội Khuyến học	64		64				
24	Hội nạn nhân chất độc da cam/Dioxin	85		85				
25	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	893		893				
26	Trung tâm Văn hóa - Thể thao	1,641		1,641				
27	Đài Truyền thanh - Truyền hình	1,290		1,290				
28	Nhà thiếu nhi Cam Lâm	563		563				
29	Trạm khuyến C-N-L-N	1,153		1,153				
30	BCH Quân sự huyện	1,805		1,805				
31	Công an huyện	427		427				
32	Ban An toàn giao thông	709		709				
33	Ban đại diện Hội Người cao tuổi	120		120				
34	Hội Từ chính trị, Ban liên lạc Sư đoàn 324 Cam Lâm, Hội Truyền thống KCCN	60		60				
35	Bảo hiểm xã hội Cam Lâm	3,747		3,747				
36	Trung tâm phát triển quỹ đất	100		100				
37	Chi đầu tư cho đô thị loại V	10,000		10,000				
38	Chi trợ cấp BHYT cho đối tượng bảo trợ xã hội	2,725		2,725				
39	Chi lễ tết cho hộ nghèo	499		499				
40	Kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách xã hội	1,173		1,173				
41	Chi các khoản thu hồi qua công tác thanh tra	80		80				
42	Kinh phí bồi dưỡng cho thành viên kiêm nhiệm CTMTQG XDNTM theo CV 7254/UBND-KT	296		296				
43	Cấp lại tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt cho Vùng 4 Hải quân	600		600				
44	Chi thường xuyên khác	24,148		24,148				
45	Chi các dự án, công trình	67,341	67,341					
II	Chi dự phòng	11,367			11,367			
III	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	63,083				63,083		
IV	Chi bổ sung có ngân sách cấp dưới	75,181					75,181	
V	Chi chuyển nguồn sang năm sau	-						